

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - CTCK)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - CTCK)	9
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (Mẫu số B 05 - CTCK)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - CTCK)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh Số 4103004900 ngày 16 tháng 6 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký dinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 15/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 6 năm 2006 và các giấy phép
điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Hữu Khương
Bà Lê Thị Bích Thủy

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10.1.2014)
Phó chủ tịch
(bổ nhiệm ngày 10.1.2014)

Ông Phan Thành Mai
Ông Nguyễn Quốc Viễn
Ông Nguyễn Thành Duy
Ông Hứa Xường
Ông Đỗ Hoàng Linh
Bà Ngô Nguyễn Đoàn Trang
Ông Ngô Trí Đức
Bà Trịnh Thị Tuyết Minh

Thành viên (bổ nhiệm ngày 4.12.2013)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 4.12.2013)
Thành viên
Chủ tịch (từ nhiệm ngày 4.12.2013)
Thành viên (từ nhiệm ngày 4.12.2013)
Thành viên (từ nhiệm ngày 4.12.2013)
Thành viên (từ nhiệm ngày 4.12.2013)
Thành viên (từ nhiệm ngày 4.12.2013)

Ban kiểm soát

Bà Trịnh Thị Tuyết Minh
Ông Hoàng Văn Tụ
Ông Vũ Huy Nhân
Bà Nguyễn Thị Xuân Mai
Ông Mai Trọng Luận

Trưởng ban Kiểm soát
(bổ nhiệm ngày 4.12.2013)
Trưởng ban Kiểm soát
(từ nhiệm ngày 4.12.2013)
Thành viên (từ nhiệm ngày 4.12.2013)
Thành viên (bổ nhiệm ngày 4.12.2013)
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Hoàng Thị Tâm

Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Mai Hữu Khương

Chủ tịch

Trụ sở chính

46 - 48 Tôn Thất Đạm, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh

96 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



Hoàng Thị Tâm
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2014



Mai Hữu Khương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2013 và được phê duyệt ngày 18 tháng 3 năm 2014. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)



Ian S. Lydall
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0559-2013-006-1

Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0849-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán số HCM3959
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Mẫu số B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		87.224.854.254	342.511.621.416
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	52.696.937.611	261.135.671.193
111	Tiền		32.696.937.611	75.187.642.456
112	Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	185.948.028.737
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5(a)	16.669.297.834	1.100.297.600
121	Đầu tư ngắn hạn		17.152.920.052	2.319.503.607
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(483.622.218)	(1.219.206.007)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		17.648.341.633	79.967.054.389
131	Phải thu khách hàng		54.000.000	54.000.000
132	Trả trước cho người bán		131.736.000	131.736.000
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	4.429.235.954	49.942.428.054
138	Các khoản phải thu khác	7	96.597.977.650	116.912.725.364
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(83.564.607.971)	(87.073.835.029)
150	Tài sản ngắn hạn khác		210.277.176	308.598.234
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		106.486.670	230.424.000
158	Tài sản ngắn hạn khác		103.790.506	78.174.234
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		154.216.194.855	157.086.140.972
220	Tài sản cố định		13.202.293.242	15.727.883.784
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	4.664.852.297	7.627.498.039
222	Nguyên giá		17.150.081.039	20.136.367.832
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.485.228.742)	(12.508.869.793)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	5.321.920.945	6.722.305.745
228	Nguyên giá		10.941.280.046	11.022.524.966
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.619.359.101)	(4.300.219.221)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9(c)	3.215.520.000	1.378.080.000
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5(b)	134.581.146.932	134.865.800.312
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn		28.691.281.846	36.044.032.157
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		28.691.281.846	36.044.032.157
258	Đầu tư dài hạn khác		121.113.962.800	121.113.962.800
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(15.224.097.714)	(22.292.194.645)
260	Tài sản dài hạn khác		6.432.754.681	6.492.456.876
261	Chi phí trả trước dài hạn		912.999.093	1.006.761.719
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	4.728.406.028	4.244.303.522
268	Tài sản dài hạn khác		791.349.560	1.241.391.635
270	TỔNG TÀI SẢN		241.441.049.109	499.597.762.388

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Mẫu số B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		20.837.793.164	282.790.061.540
310	Nợ ngắn hạn		20.837.793.164	282.790.061.540
312	Phải trả người bán		18.850.000	664.241.260
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	24.958.262	58.674.221
315	Phải trả người lao động		24.000.000	-
316	Chi phí phải trả		294.216.853	165.306.073
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	325.835.498	227.636.342.417
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	20.148.743.286	54.264.308.304
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.189.265	1.189.265
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		220.603.255.945	216.807.700.848
410	Vốn chủ sở hữu	15	220.603.255.945	216.807.700.848
411	Vốn góp của chủ sở hữu		250.000.000.000	250.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		138.575.000.000	138.575.000.000
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.237.404.755	4.047.627.000
418	Quỹ dự phòng tài chính		3.562.404.755	3.372.627.000
420	Lỗi lũy kế		(175.771.553.565)	(179.187.553.152)
440	TỔNG NGUỒN VỐN		241.441.049.109	499.597.762.388

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

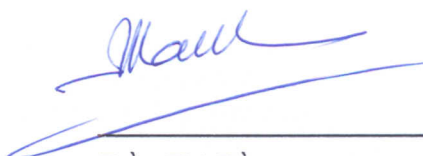
Mẫu số B 01 - CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Mệnh giá tại ngày	
		31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	30.233.146.506
6. Chứng khoán lưu ký	006	253.348.800.000	417.972.400.000
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	247.328.590.000	394.002.700.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	10.851.320.000	6.433.410.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	228.664.530.000	378.945.260.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	7.812.740.000	8.624.030.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	891.900.000	554.940.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	891.900.000	554.940.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	4.920.970.000	22.906.000.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	1.780.100.000	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	3.140.870.000	22.906.000.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	207.340.000	508.760.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	198.060.000	508.760.000
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	9.280.000	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	96.167.300.000	68.600.860.000
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	96.143.800.000	68.587.360.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	21.310.770.000	21.310.750.000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	74.820.030.000	47.270.610.000
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	13.000.000	6.000.000
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	13.500.000	13.500.000
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	13.500.000	13.500.000
7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	071	10.000.000	-
7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	10.000.000	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		19.834.990.000	19.835.085.000



Đỗ Thị Mỹ Linh
Người lập



Trần Thị Ròng
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT


Mẫu số B 02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
01	Doanh thu	21.409.949.097	18.577.840.654
	<i>Trong đó:</i>		
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.540.981.041	5.241.219.102
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	17 6.738.765.705	2.161.785.599
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	-	32.727.273
01.9	Doanh thu khác	18 10.130.202.351	11.142.108.680
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(332.606.916)	(17.128.217)
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21.077.342.181	18.560.712.437
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	19 (10.577.927.021)	(8.661.720.501)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	10.499.415.160	9.898.991.936
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20 (6.307.501.689)	(6.544.814.526)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.191.913.471	3.354.177.410
31	Thu nhập khác	3.991.760	29.227.562
32	Chi phí khác	(400.350.134)	-
40	(Chi phí)/thu nhập khác – số thuần	(396.358.374)	29.227.562
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.795.555.097	3.383.404.972
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	21 -	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	10 -	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.795.555.097	3.383.404.972
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16	135


Đỗ Thị Mỹ Linh
Người lập


Trần Thị Ròng
Kế toán trưởng


Hoàng Thị Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT


Mẫu số B 03 – CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	3.795.555.097	3.383.404.972
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	3.853.455.918	3.901.184.185
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng	(11.312.907.778)	(38.796.145.339)
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(964.134.170)	23.721.423.733
06	Chi phí lãi vay	109.614.782	-
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(4.518.416.151)	(7.790.132.449)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	275.304.191.421	(29.322.632.532)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(261.952.268.376)	30.083.690.683
12	Giảm các chi phí trả trước	938.023.580	783.142.271
13	Tiền lãi vay đã trả	(109.614.782)	-
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	450.042.075	-
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(509.718.778)	(1.424.113.381)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	9.602.238.989	(7.670.045.408)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.048.189.000)	(1.378.080.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.345.937.220	26.781.609.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	9.952.750.522	6.086.539.609
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	9.250.498.742	31.490.068.609
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn nhận được	17.620.495.550	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(17.620.495.550)	-
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	18.852.737.731	23.820.023.201
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	33.844.199.880	10.024.176.679
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	52.696.937.611	33.844.199.880


Đỗ Thị Mỹ Linh
Người lập


Trần Thị Ròng
Kế toán trưởng


Hoàng Thị Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Mẫu số B 05 - CTCK

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU


	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lỗi lũy kế VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	250.000.000.000	138.575.000.000	4.047.627.000	3.372.627.000	(182.570.958.124)	213.424.295.876
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.383.404.972	3.383.404.972
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	250.000.000.000	138.575.000.000	4.047.627.000	3.372.627.000	(179.187.553.152)	216.807.700.848
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.795.555.097	3.795.555.097
Trích lập quỹ	-	-	189.777.755	189.777.755	(379.555.510)	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	250.000.000.000	138.575.000.000	4.237.404.755	3.562.404.755	(175.771.553.565)	220.603.255.945

Theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty



Đỗ Thị Mỹ Linh
Người lập



Trần Thị Rõng
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004900, ngày 16 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tiên của Công ty số 15/UBCK-GPHĐCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006. Giấy phép hoạt động mới nhất của Công ty số 49/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 8 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 48 nhân viên (2012: 57 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa vào giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu tại ngày lập báo cáo tài chính.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

(a) Phân loại

Công ty phân loại các khoản đầu tư thành hai nhóm: đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán kinh doanh, tiền gửi kỳ hạn trên 90 ngày và hợp đồng hợp tác đầu tư trong thời hạn không quá 12 tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm chứng khoán sẵn sàng để bán và đầu tư dài hạn khác.

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán niêm yết với mục đích kinh doanh.

Hợp đồng hợp tác đầu tư là các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết thông qua tài khoản của đối tác cũng với mục đích kinh doanh chứng khoán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

(b) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Công ty ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.7 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

(c) Đánh giá

Chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng tại các Sở Giao dịch Chứng khoán.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng nếu có. Khoản dự phòng được trích lập khi có dấu hiệu suy giảm khả năng thu hồi của các khoản đầu tư.

Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này. Phương pháp xác định dự phòng giảm giá cho chứng khoán sẵn sàng để bán tương tự như chứng khoán kinh doanh.

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Phương tiện vận tải	8 năm
Máy móc, thiết bị quản lý	8 năm
Tài sản cố định khác	8 năm
Bản quyền	8 năm
Phần mềm vi tính	8 năm

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.9 Thuê tài sản cố định

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Ghi nhận doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán dựa trên mức phí quy định của Công ty nhưng không vượt mức quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

(ii) Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức. Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra. Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(iii) Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư và hoạt động giao dịch ký quỹ và cho khách hàng vay mua chứng khoán. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

2.11 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.11 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.12 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.13 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.14 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông hoặc quyền chọn được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tiền mặt	155.319.434	32.150.545
Tiền gửi ngân hàng	32.541.618.177	75.155.491.911
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	185.948.028.737
	<u>52.696.937.611</u>	<u>261.135.671.193</u>
Trong đó:		
<i>Tiền gửi của Công ty chứng khoán</i>	32.582.974.658	14.871.362.889
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư</i>	15.654.347.953	244.066.750.903
<i>Tiền gửi thanh toán bù trừ của nhà đầu tư</i>	4.459.615.000	2.197.557.401
	<u>52.696.937.611</u>	<u>261.135.671.193</u>
Trừ tiền gửi tại ngân hàng thương mại chưa thể thu hồi (*)	-	(227.291.471.313)
Tiền và tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>52.696.937.611</u>	<u>33.844.199.880</u>

(*) Đây là khoản tiền gửi tại một ngân hàng thương mại cổ phần đã quá hạn từ tháng 11 năm 2011. Tại ngày lập các báo cáo tài chính, ngân hàng này đã thanh toán đầy đủ khoản tiền này.

4 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VNĐ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VNĐ
a) Của Công ty		
Cổ phiếu niêm yết	2.687.340,0	55.163.708.000
Chứng chỉ quỹ	9,5	766.928.950
b) Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	249.651.569,0	2.691.051.768.401
Chứng chỉ quỹ	374,5	30.233.146.506
	<u>252.339.293,0</u>	<u>2.777.215.551.857</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tại ngày 31.12.2013	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	So với giá thị trường		Giá thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
(a) Đầu tư ngắn hạn	17.152.920.052	676.730.510	(483.622.218)	17.346.028.344	(483.622.218)
- Chứng khoán kinh doanh - cổ phiếu niêm yết (*)	9.520.774.608	676.730.510	(483.622.218)	9.713.882.900	(483.622.218)
- Tiền gửi kỳ hạn trên 90 ngày	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-
- Hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn (**)	2.632.145.444	-	-	2.632.145.444	-
(b) Đầu tư dài hạn	149.805.244.646	373.590.256	(15.224.097.714)	134.954.737.188	(15.224.097.714)
- Chứng khoán sẵn sàng để bán – cổ phiếu niêm yết (*)	28.691.281.846	373.590.256	(15.224.097.714)	13.840.774.388	(15.224.097.714)
- Đầu tư dài hạn khác	121.113.962.800	-	-	121.113.962.800	-
	<u>166.958.164.698</u>	<u>1.050.320.766</u>	<u>(15.707.719.932)</u>	<u>152.300.765.532</u>	<u>(15.707.719.932)</u>
Tại ngày 31.12.2012	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	So với giá thị trường		Giá thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
(a) Đầu tư ngắn hạn	2.319.503.607	-	(1.219.206.007)	1.100.297.600	(1.219.206.007)
- Chứng khoán kinh doanh - cổ phiếu niêm yết (*)	2.319.503.607	-	(1.219.206.007)	1.100.297.600	(1.219.206.007)
(b) Đầu tư dài hạn	157.157.994.957	451.888	(22.292.194.645)	134.866.252.200	(22.292.194.645)
- Chứng khoán sẵn sàng để bán – cổ phiếu niêm yết (*)	36.044.032.157	451.888	(22.292.194.645)	13.752.289.400	(22.292.194.645)
- Đầu tư dài hạn khác	121.113.962.800	-	-	121.113.962.800	-
	<u>159.477.498.564</u>	<u>451.888</u>	<u>(23.511.400.652)</u>	<u>135.966.549.800</u>	<u>(23.511.400.652)</u>

(*) Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại các Sở Giao dịch Chứng khoán.

(**) Đây là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thăng Long vào ngày 2 tháng 1 năm 2013 nhằm mục đích cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ cho các khách hàng có tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty. Theo đó, Công ty có quyền kiểm soát toàn bộ tài sản đảm bảo của các khách hàng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

6 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ	-	1.671.102.613
Phải thu từ hoạt động ứng trước tiền bán	721.211.954	15.993.498.122
Phải thu từ hoạt động ứng trước tiền mua	-	32.277.827.319
Phải thu Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán từ hoạt động tự doanh	3.708.024.000	-
	<u>4.429.235.954</u>	<u>49.942.428.054</u>

7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phân loại lại từ các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	96.139.651.852	116.344.124.145
Phải thu khác	458.325.798	568.601.219
	<u>96.597.977.650</u>	<u>116.912.725.364</u>
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi (Xem Thuyết minh 8)	(83.564.607.971)	(87.073.835.029)
	<u>13.033.369.679</u>	<u>29.838.890.335</u>

(*) Trong năm 2013, Công ty đã thu hồi 20.204.472.293 đồng từ các khoản nợ phải thu này.

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	87.073.835.029	92.265.695.598
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 20)	(3.509.227.058)	(5.191.860.569)
Số dư cuối năm	<u>83.564.607.971</u>	<u>87.073.835.029</u>

Số hoàn nhập dự phòng trong năm được ước tính dựa vào giá trị tài sản đảm bảo của các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải VNĐ	Máy móc, thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản cố định khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	16.728.095.866	3.298.189.498	110.082.468	20.136.367.832
Chuyển từ xây dựng cơ bản	210.749.000	-	-	210.749.000
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(366.725.745)	(2.750.327.580)	(79.982.468)	(3.197.035.793)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	16.572.119.121	547.861.918	30.100.000	17.150.081.039
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	10.253.570.243	2.195.608.482	59.691.068	12.508.869.793
Khấu hao trong năm	2.095.652.737	371.812.917	12.406.149	2.479.871.803
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(271.835.722)	(2.168.045.549)	(63.631.583)	(2.503.512.854)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	12.077.387.258	399.375.850	8.465.634	12.485.228.742
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	6.474.525.623	1.102.581.016	50.391.400	7.627.498.039
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	4.494.731.863	148.486.068	21.634.366	4.664.852.297

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 69.471.600 đồng (2012: 116.443.214 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	573.439.092	10.449.085.874	11.022.524.966
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(28.741.660)	(52.503.260)	(81.244.920)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>544.697.432</u>	<u>10.396.582.614</u>	<u>10.941.280.046</u>
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	370.758.303	3.929.460.918	4.300.219.221
Khấu hao trong năm	70.182.920	1.303.401.195	1.373.584.115
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(17.853.625)	(36.590.610)	(54.444.235)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>423.087.598</u>	<u>5.196.271.503</u>	<u>5.619.359.101</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	<u>202.680.789</u>	<u>6.519.624.956</u>	<u>6.722.305.745</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u><u>121.609.834</u></u>	<u><u>5.200.311.111</u></u>	<u><u>5.321.920.945</u></u>

(*) Đây là điều chỉnh để phân loại lại giá trị còn lại của TSCĐ có nguyên giá dưới 30 triệu đồng sang chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 3 năm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC.

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	1.378.080.000	-
Tăng trong năm	2.048.189.000	1.378.080.000
Chuyển sang TSCĐ	(210.749.000)	-
Số dư cuối năm	<u><u>3.215.520.000</u></u>	<u><u>1.378.080.000</u></u>

Đây là khoản chi phí thực hiện lắp đặt hệ thống giao dịch chứng khoán Flex được ghi nhận theo tiến độ thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

10 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng năm năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Lỗ thuế	Tình trạng kiểm tra của cơ quan thuế	Lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau VNĐ
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	Chưa quyết toán	3.592.745.088
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	Chưa quyết toán	7.179.871.420
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Chưa quyết toán	2.628.430.456
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Chưa quyết toán	<u>1.857.784.922</u>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh vì khả năng đạt được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ này được đánh giá hiện nay là không cao.

11 TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 102/VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đóng thêm 0,01% hàng năm dựa trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và chứng khoán đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng mỗi năm.

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Số dư đầu năm	4.244.303.522	3.500.170.930
Tiền nộp bổ sung	9.609.011	-
Tiền lãi	474.493.495	744.132.592
Số dư cuối năm	<u>4.728.406.028</u>	<u>4.244.303.522</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Mẫu số B 09 - CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thuế GTGT dịch vụ cung cấp	1.200.000	1.700.000
Thuế thu nhập cá nhân	23.758.262	56.974.221
	<u>24.958.262</u>	<u>58.674.221</u>

13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả một cổ đông lớn của Công ty (Thuyết minh 23(b)) (*)	-	192.000.000.000
Lãi tiền gửi từ khoản tiền ủy thác của Cổ đông lớn (Thuyết minh 23(b)) (*)	-	35.243.699.417
Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	304.130.000	307.630.000
Phải trả khác	21.705.498	85.013.000
	<u>325.835.498</u>	<u>227.636.342.417</u>

(*) Các khoản tiền này thể hiện số lãi đã quá hạn phải trả và tiền gốc quá hạn phải trả một tổ chức tín dụng là một cổ đông lớn của Công ty. Khoản gốc và lãi này đã được trả hết trong năm.

14 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải trả Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán	40.063.950	88.652.732
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng chờ thanh toán	4.455.615.000	26.840.255.000
Tiền gửi trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư	15.653.064.336	27.335.400.572
	<u>20.148.743.286</u>	<u>54.264.308.304</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2013	2012
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GP ngày 28 tháng 6 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 250.000.00.000 đồng (hai trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 25.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần mệnh giá là 10.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	2013		2012	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn tổ chức	8.339.150	33	8.339.150	33
Phần vốn của cá nhân	16.660.850	67	16.660.850	67
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25.000.000	100	25.000.000	100

16 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm:

	2013	2012
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	3.795.555.097	3.383.404.972
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	152	135

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT

Mẫu số B 09 - CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

17 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, GÓP VỐN

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thu nhập cổ tức	3.687.967.714	2.161.785.599
Lãi từ mua bán chứng khoán	3.050.797.991	-
	<u>6.738.765.705</u>	<u>2.161.785.599</u>

18 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.213.984.817	3.924.754.010
Lãi từ hoạt động ứng tiền bán cho nhà đầu tư	2.215.851.156	1.767.759.446
Doanh thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ và cho khách hàng vay mua chứng khoán	2.080.493.229	5.396.595.224
Doanh thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	2.548.160.333	-
Doanh thu khác	71.712.816	53.000.000
	<u>10.130.202.351</u>	<u>11.142.108.680</u>

19 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí nhân viên	3.711.207.578	5.048.153.134
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.423.649.426	2.470.603.087
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	2.312.178.519	2.350.895.639
Chi phí lãi vay	109.614.782	-
Chi phí thuê văn phòng	1.584.538.365	1.460.723.940
Lỗ từ thanh lý chứng khoán dài hạn	6.006.813.091	29.807.963.342
Lỗ từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	605.686.260	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(7.803.680.720)	(33.604.284.770)
Chi phí khác	1.627.919.720	1.127.666.129
	<u>10.577.927.021</u>	<u>8.661.720.501</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	3.941.403.875	4.883.485.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.429.806.492	1.430.581.098
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	(3.509.227.058)	(5.191.860.569)
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.633.964.820	2.647.982.264
Chi phí thuê văn phòng	1.232.597.070	1.110.510.720
Chi phí bằng tiền khác	1.578.956.490	1.664.115.900
	<u>6.307.501.689</u>	<u>6.544.814.526</u>

21 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng được thể hiện như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.795.555.097	3.383.404.972
Thuế tính ở thuế suất 25%	948.888.774	845.851.243
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(921.991.929)	(540.446.400)
Chi phí không được khấu trừ (bao gồm phần hoàn nhập dự phòng phải thu)	(491.343.076)	(962.512.457)
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	464.446.231	657.107.614
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>-</u>	<u>-</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

22 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể khiến cho Công ty chịu một số rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(1) Rủi ro thị trường

Rủi ro giá

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, danh mục đầu tư, định kỳ đánh giá lại danh mục, tuân thủ các nguyên tắc và giới hạn trong quy chế đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn 1.271.151.440 đồng/ thấp hơn 1.602.026.889 đồng tương ứng.

(2) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác.

Công ty không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc giảm giá. Các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác quá hạn như sau:

	2013	2012
	VNĐ	VNĐ
Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	-	54.434.000.000
Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	46.097.973.065	7.400.744.400
Quá hạn trên 3 năm	45.817.358.787	44.205.379.745
	<u>91.915.331.852</u>	<u>106.040.124.145</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

22 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng được xác định là có giảm giá và sự tăng giảm dự phòng khoản giảm giá liên quan như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.429.235.954	49.942.428.054
Phải thu khác	96.597.977.650	116.912.725.364
	<u>101.027.213.604</u>	<u>166.855.153.418</u>
Trừ: Dự khoản giảm giá (Thuyết minh 8)	(83.564.607.971)	(87.073.835.029)
	<u>17.462.605.633</u>	<u>79.781.318.389</u>

Các khoản phải thu khách hàng bị giảm giá chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu liên quan đến hoạt động hỗ trợ khách hàng kinh doanh chứng khoán.

(3) Rủi ro thanh khoản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm phải trả người bán, phải trả giao dịch chứng khoán, và phải trả khác với số tiền là 20.787.645.637 đồng (2012: 282.730.198.054 đồng) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
<i>i) Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
Cổ đông lớn		
Phí thuê văn phòng	2.367.093.360	2.571.234.660
	<u>2.367.093.360</u>	<u>2.571.234.660</u>
<i>ii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	951.400.000	1.220.700.000
	<u>951.400.000</u>	<u>1.220.700.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
<i>iii) Hoạt động khác</i>		
Cổ đông lớn		
Hoàn trả cho cổ đông lớn	192.000.000.000	93.622.346.100
Lãi tiền gửi đã trả cho cổ đông lớn	59.179.010.033	6.390.138.888

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Các khoản phải trả, phải nộp khác (Thuyết minh 13)		
Tiền gốc phải trả cổ đông lớn	-	192.000.000.000
Lãi tiền gửi phải trả cổ đông lớn	-	35.243.699.417

24 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Dưới 1 năm	2.101.969.200	2.454.571.200
Từ 2 đến 5 năm	2.642.625.600	5.567.332.800
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	4.744.594.800	8.021.904.000

25 CAM KẾT MUA TÀI SẢN

Công ty có các cam kết thanh toán cho việc thực hiện hợp đồng mua tài sản cố định nhưng không thể hiện trong các báo cáo tài chính như sau do khối lượng công việc chưa được thực hiện:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Mua tài sản cố định	1.378.080.000	3.215.520.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

26 NỢ TIỀM TÀNG

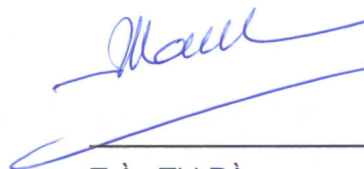
Trong tháng 6 năm 2013, ba nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Chi nhánh Hà Nội của Công ty đã khiếu nại Công ty vì mất tiền trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của họ với tổng số tiền là 2.048.000.000 đồng. Phó Giám đốc Công ty phụ trách chi nhánh Hà Nội đã thực hiện chuyển khoản tiền này từ các tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư sang tài khoản kinh doanh chứng khoán của Ông mà chưa có sự đồng ý, xác nhận của các cá nhân này.

Tại ngày báo cáo tài chính này, Công ty và các cơ quan điều tra đang trong quá trình làm việc để điều tra sự việc trên. Công ty cam kết hoàn trả các khoản tiền này cho các nhà đầu tư khi có kết quả điều tra từ các cơ quan có thẩm quyền.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2014.



Đỗ Thị Mỹ Linh
Người lập



Trần Thị Rồng
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Tâm
Tổng Giám đốc